

CHK Thổ Châu

ĐK. Thổ Châu

ĐK. Thổ Châu (Tỉ lệ 1:25.000)

DANH SÁCH KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

TT	Tên khu kinh tế	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Khu vực cửa khẩu Khánh Bình	Xã Khánh Bình, một phần xã Nhơn Hội, một phần xã Phú Hữu	8131
2	Khu vực cửa khẩu Tịnh Biên	Phường Tịnh Biên, một phần Phường Thới Sơn	10079
3	Khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương	Phường Tân Châu, Long Phú, xã Vĩnh Xương, một phần xã Tân An	12524
4	Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên	Một phần phường Hà Tiên, một phần phường Tô Châu	1600
5	Khu kinh tế Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc	58923

CAMPUCHIA

ĐỒNG THÁP

CẦN THƠ

BIỂN ĐÔNG

CÀ MAU

CHÚ GIẢI

Hiện trạng

Quy hoạch

DANH SÁCH KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG

TT	Tên	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	KCN Thanh Lộc	Xã Thanh Lộc	252
2	KCN Thuận Yên	Phường Tô Châu	134
3	KCN Xẻo Rô	Xã An Biên	211
4	KCN Tác Cầu	Xã Bình An	68
5	KCN Kiên Lương II	Xã Hòa Điền	175
6	KCN Bình Hòa	Xã Bình Hòa	252
7	KCN Bình Long	Xã Châu Phú	31
8	KCN Vàm Cống	Phường Mỹ Thới	194
9	KCN Hoi An	Xã Hoi An	100
10	KCN Xuân Tô	Phường Tịnh Biên	140
11	KCN Định Thành	Xã Định Mỹ	155

DANH SÁCH CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG

TT	Tên	Địa điểm	Diện tích (ha)
I	08 CCN đã thành lập và đi vào hoạt động để xuất khẩu nguyên liệu trang		
I.01	CCN Vinh Hoa Hưng Nam	Xã Vinh Hoa Hưng	29,05
I.02	CCN Phú Hòa	Xã Phú Hòa	33,99
I.03	CCN Vĩnh Mỹ	Phường Châu Đức	15,66
I.04	CCN Long Châu	Phường Long Phú	19,32
I.05	CCN Mỹ Quý	Phường Long Xuyên	14,61
I.06	CCN Lương An Trà	Xã Vĩnh Gia	35,52
I.07	CCN Tân Trung	Xã Phú Tân	22,75
I.08	CCN An Phú	Xã An Phú	18,68
II	31 Cụm công nghiệp để xuất khẩu nguyên liệu theo Quyết định đã được duyệt (Quyết định số 1289/QĐ-TTg và Quyết định số 1369/QĐ-TTg)		
II.01	CCN Hà Giang	Phường Tô Châu	50
II.02	CCN Hân Ninh	Đặc khu Phú Quốc	59,03
II.03	CCN Bình Trị	Xã Kiên Lương	50
II.04	CCN Bình Sơn	Xã Bình Sơn	30
II.05	CCN Bình An	Xã Bình An	30
II.06	CCN Thanh Trì	Xã Thanh Đông	50
II.07	CCN Long Thành	Xã Long Thành	32
II.08	CCN Cái Lư	Xã Vĩnh Hòa Hưng	70
II.09	CCN Thanh Phú	Xã Đồng Hòa	50
II.10	CCN Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Phong	50
II.11	CCN Long Bình	Xã Khanh Bình	40
II.12	CCN Long Sơn	Phường Tân Châu	75
II.13	CCN Châu Phong	Xã Châu Phong	30
II.14	CCN Chơ Vam	Xã Chơ Vam	50
II.15	CCN Tân Trung 2	Xã Phú Tân	47,25
II.16	CCN An Nồng	Phường Tịnh Biên	75
II.17	CCN An Cư	Xã An Cư	30
II.18	CCN Vĩnh Tế	Phường Vĩnh Tế	75
II.19	CCN Mỹ Phú 2	Xã Vĩnh Thành Trung	75
II.20	CCN Mỹ Phú 1	Xã Vĩnh Thành Trung	75
II.21	CCN Bình Thạnh Đông	Xã Bình Thạnh Đông	67,68
II.22	CCN Bình Mỹ 1	Xã Bình Mỹ	74
II.23	CCN Lương An Trà 3	Xã Vĩnh Gia	75
II.24	CCN Núi Tô	Xã Núi Tô	60
II.25	CCN Gò Tô	Xã Gò Tô	30
II.26	CCN Nhơn Mỹ	Xã Nhơn Mỹ	75
II.27	CCN Hòa Bình Thạnh	Xã Hòa Bình	75
II.28	CCN Hòa An	Xã Hòa An	75
II.29	CCN Hòa Bình	Xã Hòa Bình	75
II.30	CCN Vĩnh Trach	Xã Vĩnh Trach	40
III	Bộ CCN để xuất khẩu đồ sùng mốt		
III.01	CCN Vĩnh Thông	Phường Vĩnh Thông	50
III.02	CCN Vĩnh Tuy	Xã Vĩnh Tuy	75
III.03	CCN Thanh Mỹ Tây	Xã Thanh Mỹ Tây	75
III.04	CCN Tây Huân	Phường Long Xuyên	68,62
III.05	CCN Gò Quao	Xã Gò Quao	70